TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HSST
Ngày 03/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Tô Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Dinh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2024/HSST ngày 10/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức D, sinh ngày 10/8/1976; nơi sinh: Huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Th và bà Nguyễn Thị Kh; bị cáo có vợ là Đào Hải Y và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015; tiền sự: Không; tiền án: 05: Bản án số 22/2007/HSST ngày 18/4/2007, Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 06 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. án phí hình sự 50.000đồng và án phí dân sự 152.000 đồng; bồi thường dân sự cho đương sự là 3.040.000đồng. Bị cáo chấp hành hình phạt tù xong ngày 02/7/2007; án phí nộp ngày 25/5/2007; về bồi thường trách nhiệm dân sự các bên đã thỏa thuận xong. Bản án số 44/2009/HSST ngày 14/8/2009 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 15 tháng tù về tội chống người thi hành công vụ, án phí 200.000đồng. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/8/2010, nộp án phí ngày 27/10/2009. Bản án số 19/2011/HSST ngày 11/5/2011, Tòa án nhân dân tỉnh T2 xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, án phí hình sự 200.000đồng, án phí dân sự 2.751.000 đồng; bồi thường trách nhiệm dân sự 55.026.300đồng. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2014; án phí nộp xong ngày 19/9/2011. Về trách nhiệm dân sự hai bên đã thỏa thuận xong. Bản án số 31/2016/HSST ngày 14/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh T2 xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, án phí hình sự 200.000đồng, dân sự 500.000đồng; bồi thường trách nhiệm dân sự 10.000.000đồng. Bị cáo đã chấp hành

án phí xong ngày 02/3/2017, trách nhiệm dân sự đã thỏa thuận xong. Bản án số 44/2016/HSST ngày 08/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh T2 xử phạt 4 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của bản án số 31 ngày 14/9/2016 là 3 năm 6 tháng tù, bị cáo chấp hành chung là 7 năm 6 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2022. Án phí 200.000 đồng đã nộp ngày 02/3/2017; nhân thân: Tháng 9/1994 nhập ngũ đến tháng 8/1996 xuất ngũ về địa phương. Ngày 18/12/2007 Công an huyện T1 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, phạt 200.000 đồng theo quyết định số 06 (đã nộp xong); bị khởi tố theo Quyết định số 106 ngày 13/6/2023, Quyết định truy nã số 02 ngày 05/8/2023, bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã và bị tạm giữ ngày 05/02/2024, sau chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an Công an tỉnh T2, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Anh Trần Đình Kh1 sinh năm 1993 trú tại thôn PC, xã PP, huyện LN, tỉnh H (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Bá S, sinh năm 1974, trú tại Tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 (có mặt).

- *Người làm chứng:*

Ông Hà Trung H, sinh năm 1960; anh Nguyễn Quang Th, sinh năm 1986; chị Hoàng Thị M, sinh năm 1990, đều trú tại Tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Anh Hoàng Đức T, sinh năm 2003, trú tại thôn TT, xã TG, huyện K, tỉnh T2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/4/2023, Nguyễn Đức D đang ở xã PC, huyện T1 thì nhận được cuộc điện thoại gọi đến từ số thuê bao D không quen biết, D trả lời nhầm máy, số thuê bao này vẫn tiếp tục gọi lại, hai bên xảy ra mâu thuẫn, thách thức, hẹn nhau tại khu vực cây xăng TA thuộc tổ dân phố HP, thị trấn T1 để giải quyết. Đến khoảng 14 giờ 40 phút, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade không nhớ biển kiểm soát, một mình đi đến khu vực ngã tư TA (gần cây xăng), D dừng xe trên đường quốc lộ x gọi điện thoại cho người gọi điện thoại nhầm đã hẹn lúc trước thì D nhìn thấy anh Trần Đình Kh1 sinh năm 1993, trú tại thôn PC, xã PP, huyện LN, tỉnh H (là thợ nhôm kính của gia đình chị Hoàng Thị M, sinh năm 1990, trú tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1) đang đi ở khu vực đường dân sinh tiếp giáp đường quốc lộ x cầm điện thoại đang nghe và nhìn lên đường, cách vị trí D đứng khoảng 10m. D thấy anh Kh1 đang nghe điện thoại, nghĩ anh Kh1 là người vừa gọi điện thách thức mình nên D gọi anh Kh1 và nói "Đi vòng lên anh nói chuyện" thì Kh1 nói "Em đang làm, anh có chuyện gì đứng đây em cũng nghe được", D nói tiếp "Mày phải lên đây", anh Kh1 tiếp tục nói "Em đang làm, em phải đo kính" rồi anh Kh1 đi lại khu vực nhà kho. D trèo qua lan can phòng hộ của đường quốc lộ dùng tay trái nhặt 1/4 viên gạch màu nâu đỏ không rõ hình dáng kích thước ở vườn rau cạnh đường đi về phía anh Kh1, D vừa đi vừa chửi anh Kh1, khi còn cách khoảng 1-2 m, D cầm gạch giơ lên đập một phát vào vùng đỉnh đầu anh Kh1 làm rách da

chảy máu, tiếp đó D dùng tay trái đấm vào mắt phải làm anh Kh1 bị choáng, ngã ngồi xuống đất, D dùng chân phải đi dầy thể thao đá vào mũi anh Kh1 làm mũi chảy nhiều máu, D tiếp tục đá, đạp vào ngực lưng anh Kh1 3- 4 phát. Chị M và anh Hoàng Đức T, sinh năm 2003 trú tại thôn TT, xã TG, huyện K (em chị M) chạy ra can ngăn thì anh T bị D túm cổ áo, vật xuống đất và dùng tay bóp cổ anh T ghì xuống đường. Chị M xin D và đưa tay gỡ tay D ra không cho bóp cổ anh T, D đứng dậy dùng tay trái tát vào mặt chị M một cái, lúc này ông Hà Trung H, sinh năm 1960 trú cùng tổ dân phố với D đi ra bảo D "Đừng đánh chúng nó nữa", D không nói gì đi lên đường lấy xe bỏ đi. Hậu quả anh Kh1 bị thương tích tại vùng đỉnh thái dương trái; gãy xương chính mũi, gãy xương thành trong ổ mắt phải được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T1, sau chuyển lên bệnh viện Đa khoa tỉnh T2, Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt TW Hà Nội đến ngày 24/4/2023 xuất viện. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Trần Đình Kh1 tại thời điểm giám định là 14%. Sau khi sự việc xảy ra D bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 05/02/2024 bị bắt theo Quyết định truy nã.

- Bản kết luận giám định số 576, 577/KL-KTHS ngày 27/4/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 kết luận: Trên 1/4 viên gạch gửi giám định không phát hiện dấu vết máu; chất màu nâu đỏ trên 04 que tăm bông gửi giám định là máu người.

- Bản kết luận giám định số 573/KL-KTHS ngày 05/5/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 kết luận kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh của 01 tập tin video lưu trữ trong USB gửi giám định. Diễn biến của các đối tượng, phương tiện có liên quan đến vụ việc trong tập tin video được trích xuất, mô tả trong phụ lục kèm theo kết luận giám định.

- Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 148/KLTTCT-TTPY ngày 20/4/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng thương tích đối với Trần Đình Kh1 tại thời điểm giám định: Vùng đỉnh thái dương trái có vết thương 01%; Gãy xương chính mũi 08 %. Tổng tỷ lệ phầm trăm tổn thương cơ thể của Trần Đình Kh1 tại thời điểm giám định là 09% (chín phần trăm).

- Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 194/KLTTCT-TTPY ngày 25/5/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng thương tích đối với Trần Đình Kh1 tại thời điểm giám định: Vùng thái dương trái có vết sẹo 01%; gãy xương chính mũi 08%; Gãy thành trong ổ mắt phải không ảnh hưởng đến thị lực 06%. Tổng tỷ lệ phầm trăm tổn thương cơ thể của Trần Đình Kh1 tại thời điểm giám định là 14% (mười bốn phần trăm).

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Đức D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Bản cáo trạng số 42/CT-VKSTH ngày 10/4/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 truy tố bị cáo Nguyễn Đức D về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm d, đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng

xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm d, đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự:

Áp dụng điểm d, đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị về xử lý vật chứng và án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về hành vi của các bị cáo:

[2.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đức D đều khai nhận: Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 14/4/2023, tại khu vực đường dân sinh giáp với đường quốc lộ x thuộc tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1. Do nghi ngờ anh Trần Đình Kh1 sinh năm 1993, trú tại thôn PC, xã PP, huyện LN, tỉnh H là người đã gọi điện và thách thức mình nên Nguyễn Đức D đã có hành vi sử dụng 1/4 viên gạch màu nâu đỏ đập vào vùng đỉnh thái dương trái, dùng chân đá gãy xương chính mũi, dùng tay đấm gãy xương thành trong ổ mắt phải của anh Trần Đình Kh1. Hậu quả, anh Trần Đình Kh1 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14% (Mười bốn phần trăm).

[2.2] Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của chị Hoàng Thị M, sinh năm 1990 trú tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1 là chủ cơ sở nhôm kính nơi anh Trần Đình Kh1 làm việc; Đơn đề nghị, lời khai của người bị hại là anh Trần Đình Kh1; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản nhận dạng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập; Biên bản quản lý và niêm phong mẫu vật, đồ vật, dữ liệu điện tử do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 14/4/2023; Các Bản kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2; Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Đức D là người đã có hành vi gây thương tích cho anh Trần Đình Kh1 là 14%. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức D đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Điều 134. Tội Cố ý gây thương tích quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

i) Có tính chất côn đồ

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

.....

d) Tái phạm nguy hiểm

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

.....

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có 05 tiền án về các tội: Hủy hoại tài sản, Chống người thi hành công vụ, Cố ý gây thương tích, Cưỡng đoạt tài sản; có nhân thân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Đức D là người đã có hành vi hành vi sử dụng 1/4 viên gạch màu nâu đỏ đập vào vùng đỉnh thái dương trái, dùng chân đá gãy xương chính mũi, dùng tay đấm gãy xương thành trong ổ mắt phải của anh Trần Đình Kh1. Hậu quả, anh Trần Đình Kh1 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14% (Mười bốn phần trăm). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Bản thân bị cáo và bị hại là anh Trần Đình Kh1 không quen biết, mâu thuẫn từ trước; xuất phát từ sự nhầm lẫn trong giao tiếp điện thoại với người khác, bị cáo vô cớ đánh gây thương tích cho anh Kh1, đây là hành vi côn đồ, coi thường pháp luật. Bị cáo đã bị kết án nhiều lần về tội rất nghiêm trọng, chưa được xoá án tích tiếp tục phạm tội nghiêm trọng, do vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo Nguyễn Đức D thành khẩn khai báo và tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bố đẻ bị cáo được tặng huân chương kháng chiến nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Trong vụ án này:

Ngoài đánh anh Trần Đình Kh1, bị cáo Nguyễn Đức D còn có hành vi dùng tay tát vào mặt chị Hoàng Thị M, dùng tay bóp cổ anh Hoàng Đức T nhưng không gây thương tích, chị M và anh T không có yêu cầu đề nghị gì và từ chối giám định thương tích nên không đặt ra giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade không rõ biển kiểm soát do Nguyễn Đức D mượn của anh Trần Bá S, sinh năm 1974, trú tại tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1 khi đi gây thương tích cho anh Trần Đình Kh1. Anh S đã bán chiếc xe trên và không nhớ biển kiểm soát nên không có căn cứ xác định nguồn gốc xe.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Đức D đã bồi thường cho anh Trần Đình Kh1 với số tiền là 30.000.000 đồng. Anh Kh1 không yêu cầu đề nghị bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Đối với 1/4 viên gạch màu nâu đỏ, xác định là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điểm d, đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự. Điểm a Khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 05/02/2024.

3. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 1/4 viên gạch màu nâu đỏ.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/4/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2).

4. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 03 tháng 5 năm 2024.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- VKSND tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T2;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền